

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST
Ngày: 18-02-2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư.
2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-KDTM, ngày 27 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-KDTM, ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S (gọi tắt: Ngân hàng); địa chỉ trụ sở chính: Đường NKKN, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền số: 3978/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019).

C ủy quyền lại cho ông Q (theo văn bản ủy quyền số: 509/2020/UQ-CNVL ngày 05/8/2020); địa chỉ: Đường PVD, Khóm M, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Diễm T; địa chỉ: Khóm TVT, phường TN, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S trình bày:

Ngày 18/4/2015, bà Lê Thị Diễm T có đơn đề nghị Ngân hàng S - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho bà 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng.

Ngày 22/4/2015, Ngân hàng phê duyệt chấp thuận theo đề nghị, cấp cho bà 01 thẻ số 970403-0345. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm kể từ ngày phát hành thẻ, tài sản thế chấp: Không, lãi suất: 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Bà T sử dụng thẻ từ ngày 31/5/2015 đến ngày 31/12/2019. Đến ngày 31/3/2020, Ngân hàng khóa thẻ do bà đã hơn 03 tháng không thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Diễm T trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 18/02/2021 là 14.995.682 đồng. Trong đó:

Tiền vốn gốc còn nợ: 10.551.374 đồng.

Tiền lãi: 4.444.308 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn 3.652.491 đồng (từ ngày 31/5/2015 đến ngày 31/3/2020), lãi quá hạn 791.817 đồng (từ ngày 31/3/2020 đến ngày 18/02/2021).

Bị đơn bà Lê Thị Diễm T: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng bà T đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Lê Thị Diễm T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 18/4/2015, bà Lê Thị Diễm T có đơn đề nghị Ngân hàng S - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho bà T 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Ngày 22/4/2015, Ngân hàng phê duyệt chấp thuận theo đề nghị của bà T, cấp cho bà T 01 thẻ số 970403-0345. Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và bà T là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh bà T có giao dịch số tiền vốn 10.551.374 đồng bằng hình thức rút tiền mặt từ ngày 31/5/2015 đến ngày kết thúc là ngày 31/12/2019. Trong quá trình sử dụng thẻ bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Do đó, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ 10.551.374 đồng.

Về tiền lãi: Bà T và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: Lãi trong hạn từ ngày 31/5/2015 đến ngày 31/3/2020 là 3.652.491 đồng; lãi quá hạn từ ngày 31/3/2020 đến ngày 18/02/2021 là 791.817 đồng.

Như vậy, bà Lê Thị Diễm T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi là 14.995.682 đồng.

Bị đơn Lê Thị Diễm T không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Lê Thị Diễm T chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch là 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, 273, 147, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc bà Lê Thị Diễm Trinh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền vốn vay còn nợ là 10.551.374 đồng, tiền lãi là 4.444.308 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 14.995.500đ (mười bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Diễm T phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng S 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005748 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan